ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 656 /QĐ-UBND	*Bắc Kạn, ngày 24 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành định mức, nội dung chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Kạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy định chế độ bảo trợ xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh tại Tờ trình số 39/TTr-BCH ngày 12/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức chi, nội dung chi Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Kạn, nội dung chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh, Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (t/hiện);
- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP (Ô. Thất);
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lý Thái Hải

ĐỊNH MỨC, NỘI DUNG CHI QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Quyết định số 656 /QĐ-UBND ngày 24 /4/ 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi tối đa từ Quỹ PCTT tỉnh (VNĐ)	Ghi chú
I	**Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai**			
1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực	Hộ	50% theo mức chi tại Quyết định 1478/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn	
2	Cứu trợ khẩn cấp về thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cần thiết khác	Người/ đợt	300.000	
3	Người			
3.1	Hộ gia đình có người chết, mất tích, bị thương do thiên tai	Người	50% theo mức chi tại Quyết định 1478/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn	
3.2	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết do thiên tai không phải địa bàn cấp xã nơi cư trú của người đó được hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế	Hộ		
4	Nhà ở			
4.1	Hộ gia đình có nhà ở bị đổ, sập, trôi và hộ gia đình phải di dời khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở đất, lũ, lụt, thiên tai được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở, di dời nhà ở; hộ gia đình có nhà ở bị hư hỏng nặng (lớn hơn 70%) do thiên tai	Hộ	50% theo mức chi tại Quyết định 1478/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn	
4.2	Hỗ trợ sửa chữa nhà ở bị hư hỏng (50% đến dưới 70%)	Nhà	3.000.000	

5	Nông nghiệp			
5.1	Hỗ trợ đối với cây trồng:	Ha	Mức chi tối đa tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP	Chi cho những trường hợp không nhận được Hỗ trợ theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP
5.2	Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản:	Ha		
5.3	Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm:	Con		
II	**Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai**			
1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	Hộ/ngày	300.000	Không quá 5 ngày/đợt
2	Lương thực, thực phẩm, nước uống và các nhu cầu cấp thiết khác cho người dân nơi sơ tán đến	Người/ ngày	50. 000	
3	Hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo, báo động thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh			
3.1	Lắp đặt trạm đo mưa chuyên dùng (đo mưa tự động)	Trạm	40.000.000	Theo giá thị trường
3.2	Thuê bao dịch vụ trạm đo mưa chuyên dùng	Trạm	20.000.000	Theo giá thị trường
3.3	Xây dựng trạm đo mực nước	Trạm	50.000.000	Theo giá thị trường
3.4	Lắp đặt loa phát thanh	Cái	5.000.000	Theo giá thị trường
III	**Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai**			
1	Phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật, thực hiện kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng [1]			
1.1	Hội trường, máy chiếu	Ngày	500.000	Theo giá thị trường
1.2	Tiền ngủ cho giảng viên	Phòng/ người/ ngày	250.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính

1.3	Thù lao cho giảng viên (2)	người/ ngày	600.000	Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính
1.4	Chế độ giữa giờ	người/ ngày	20.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính
1.5	Hỗ trợ đi lại cho học viên (lượt đi và về)	người/ lượt đi, về	100.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính
1.6	Hỗ trợ đi lại cho giảng viên (Trường hợp tự túc phương tiện cả lượt đi và về)	người/ lượt đi, về	100.000	Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính
1.7	Băng zôn	chiếc/ lớp	200.000	Theo giá thị trường
1.8	Văn phòng phẩm	lớp	500.000	Theo giá thị trường
1.9	Photô, in ấn (tài liệu tập huấn. Tài liệu, công cụ giảng...)	lớp	500.000	Theo giá thị trường
1.10	Xăng xe đi lại (đưa đi và đón giảng viên về)	chuyến	400.000	Theo giá thị trường
IV	**Hỗ trợ thù lao cho người trực tiếp đi thu và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ tại cấp xã**		Không vượt quá 5% tổng số thu thực tế trên địa bàn xã	

(1): Lớp tập huấn tổ chức không quá 3 ngày/lớp.

(2): Giảng viên huy động, sử dụng từ nhóm giảng viên cấp tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của UBND tỉnh Bắc Kạn.